

Trung 3.2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2011-2015,
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016

HÀ NỘI, THÁNG 3/2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2011-2015,
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016

HÀ NỘI, THÁNG 3/2016

Mở đầu

Hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn 2011-2015 đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, khẳng định vai trò quan trọng trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm và chỉ đạo hiệu quả, đội ngũ cán bộ khoa học của Trường đã đoàn kết, hoàn thành tốt các nhiệm vụ KHCN được giao, bám sát các nhu cầu của xã hội đặt ra; tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong NCKH và đào tạo.

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Mở - Địa chất đã nhận được sự giúp đỡ toàn diện và có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, Ban, Ngành Trung ương, đồng thời có sự hợp tác chặt chẽ của các địa phương, cơ quan hữu quan trong cả nước. Đây là những tiền đề và thuận lợi rất quan trọng cho hoạt động KHCN của Nhà trường. Các địa phương trong cả nước là những địa chỉ trực tiếp áp dụng những thành quả hoạt động KHCN vào thực tế sản xuất, gắn hoạt động này với đời sống và phát triển kinh tế - xã hội.

Chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Mở - Địa chất lần thứ XIX và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, chúng ta phấn khởi, điểm lại những thành quả nổi bật về hoạt động KHCN của Trường trong 5 năm (2011-2015). Bản báo cáo gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN 5 năm (2011-2015);
2. Phương hướng chính hoạt động KHCN của Nhà trường trong kế hoạch 5 năm (2016-2020) và triển khai hoạt động KHCN năm 2016.

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN 5 NĂM (2011-2015)

A. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Với đội ngũ cán bộ, viên chức của Nhà trường hiện nay là 922 người, trong đó có 705 giảng viên (02 GS.TS, 56 PGS.TS, 139 TS, 427 ThS và 81 KS, CN). Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 197 người, tăng 76% so với giai đoạn trước (năm 2010 là 112 người). Số liệu này thể hiện rõ chất lượng nguồn nhân lực trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường đang tăng nhanh. Hàng năm, nhà trường thực hiện gần 100 đề tài KHCN các cấp (xem Bảng 1, 2, 3, 4) và gần 1000 hợp đồng NCKH và chuyển giao công nghệ với các địa phương, doanh nghiệp trong cả nước (Bảng 4, 5, 6). Các số liệu cụ thể như sau:

I. Nhiệm vụ cấp Nhà nước

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Mở - Địa chất đã được Nhà nước giao thực hiện 29 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, gồm:

- 02 đề tài KHCN thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước (KC.08 và Biến đổi khí hậu);
- 07 nhiệm vụ thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý;
- 02 nhiệm vụ Hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư;
- 02 nhiệm vụ NCCB định hướng ứng dụng;
- 12 đề tài NCCB trong KHTN;
- 03 đề tài KHCN tiềm năng;
- 01 đề án hợp tác nghiên cứu với Đan Mạch.

1.1. Nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

1) Đề tài thuộc chương trình mã số KC08.06/11-15 “*Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất vùng đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ*”, do PGS.TS Đoàn Văn Cảnh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 41 tháng (từ 1/2012 đến 5/2015), với tổng kinh phí 4.500 triệu đồng. Kết quả nghiên cứu của đề tài xây dựng được bộ tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững tài nguyên nước dưới đất đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ; đã công bố 01 bài báo quốc tế, 07 bài báo và báo cáo tại hội nghị khoa học; hướng dẫn 06 học viên cao học và đào tạo 02 NCS nghiên cứu theo hướng của đề tài. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Quốc gia, xếp loại Khá.

2) Đề tài thuộc chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số BĐKH.42 “*Nghiên cứu, đánh giá kiến tạo hiện đại khu vực ven biển miền Trung Việt Nam và vai trò của nó đối với các tai biến thiên nhiên phục vụ dự báo và phòng tránh thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu*” do PGS.TS Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ 1/2014 đến 12/2015), với tổng kinh phí thực hiện 7.200trđ. Đề tài đã tập hợp được lực lượng lớn các nhà địa chất dầu ngành tham gia thực hiện, hoàn thành 01 bộ bản đồ, sơ đồ cấu trúc – tân kiến tạo và kiến tạo hiện đại khu vực miền Trung; công bố 10 bài báo khoa học, 07 báo cáo tại hội nghị quốc tế, đào tạo được 03 thạc sỹ, góp phần đào tạo 3 NCS. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Quốc gia tháng 12/2015, kết quả xếp loại Xuất sắc.

1.2. Nhiệm vụ NCCB định hướng ứng dụng

1) Đề tài *Nghiên cứu ứng dụng và phát triển mô hình phân tích, dự báo tai biến địa chất – kỹ thuật đối với công trình ngầm, công trình khai thác mỏ ở Việt Nam*” mã số ĐT.NCCB.ĐHƯD.2011-G/13 do GS.TS Nguyễn Quang Phích làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng, với tổng kinh phí là 4.100trđ. Kết quả đã hoàn thành 105 chuyên đề theo đúng nội dung nghiên cứu. Công bố 3 bài báo và báo cáo khoa học; đào tạo được 2 thạc sỹ. Đề tài đã được đánh giá tại cấp cơ sở, hiện đã trình Bộ KHCN cho phép nghiệm thu cấp Nhà nước.

2) Đề tài “*Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng sản khai thác lộ thiên*” mã số NCCB-ĐHƯD.2012-G/01 do GS.TS Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (từ 12/2012 đến 12/2015), với tổng kinh phí là 2.900trđ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: đã xây dựng được cơ sở dữ liệu dạng Web; tiến hành các đợt thực địa tại Lào Cai; thực hiện được 35 chuyên đề và tổ chức 02 hội thảo khoa học; hoàn thành đầy đủ các nội dung nghiên cứu theo kinh phí được cấp. Dự kiến đề tài sẽ kết thúc cuối năm 2016.

1.3. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

12 đề tài NCCB trong KHTN được thực hiện trong giai đoạn 2011-2015. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 14 bài báo quốc tế, 16 bài báo trong nước; 9 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và đào tạo được 17 thạc sỹ và 5 NCS.

Hiện nay, 05 đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ; 02 đề tài (mã số: 105.01-2011.18 và 105.03-2011.11) chưa hoàn thành bài báo quốc tế ISI, Quỹ Nafosted cho phép gia hạn đến hết tháng 12/2015.

02 đề tài mã số 105.01-2012.06 và 104.01-2012.24 thực hiện đúng tiến độ và 03 đề tài triển khai từ năm 2015.

Đánh giá chung: Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần thúc đẩy hình thành và công bố nhiều bài báo trong và ngoài

nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành địa chất, địa vật lý,... Tuy nhiên, do đặc thù của loại hình nghiên cứu này, đòi hỏi các cán bộ khoa học phải có năng lực nghiên cứu mới có thể hình thành và thực hiện được sản phẩm chính mà Quỹ yêu cầu, đó là 02 bài báo công bố trên tạp chí trong danh mục ISI.

1.4. Nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công Thương quản lý

Trong giai đoạn này, Nhà trường thực hiện 07 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý:

- 04 đề tài được giao thực hiện năm 2011 và 2012 đã được nghiệm thu cấp Nhà nước, gồm đề tài mã số: ĐT.01.11/ĐMCNKK, ĐT.10.11/ĐMCNKK, ĐT.06.12/ĐMCNKK và ĐT.13.12/ĐMCNKK.

- 02 đề tài: mã số ĐT.04.12/NLSH và ĐT.14.13/ĐMCNKK đã hoàn thành nội dung nghiên cứu, đang chờ Bộ Công Thương tổ chức nghiệm thu cấp Nhà nước.

- Dự án mã số DA.16.08 đang thực hiện đúng tiến độ.

1.5. Đề tài KHCN tiềm năng

Năm 2012, Trường Đại học Mở - Địa chất đã được Văn phòng các Chương trình trọng điểm (Bộ KHCN) giao thực hiện 3 đề tài KHCN tiềm năng với tổng kinh phí 2.488 triệu đồng. Nhìn chung, các đề tài được chủ nhiệm đề tài thực hiện nghiêm túc về nội dung cũng như tiến độ. Ba đề tài này đều do các cán bộ trẻ của bộ môn Lọc - Hóa dầu thực hiện và đã bảo vệ cấp Nhà nước trong tháng 3/2013, các đề tài này đều được các hội đồng đánh giá đạt yêu cầu.

1.6. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư với nước ngoài

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Pháp “*Nghiên cứu phát triển và ứng dụng phương pháp laser Lidar trong môi trường xon khí mỏ than*” do TS Bùi Thị Thanh Lan làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ tháng 3/2011 - tháng 3/2013). Tổng kinh phí được cấp 3.000trđ. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Nhà nước tháng 10/2015 với kết quả xếp loại Đạt.

2. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Đức “*Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam*” do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến 12/2018). Tổng kinh phí được cấp 4.400trđ. Ngay sau khi nhận nhiệm vụ chủ nhiệm đã triển khai được 02 đợt thực địa; tổ chức được đoàn ra trao đổi thông tin làm việc với phía đối tác bàn về công tác thực địa, phân tích mẫu trong thời gian tới.

3. Trường Đại học Mở - Địa chất đồng chủ trì thực hiện dự án (Pha II) hợp tác với Vương quốc Đan Mạch “*Nghiên cứu ô nhiễm acsen trong nước ngầm ở đồng bằng Sông Hồng*”, dự án được thực hiện trong 4 năm (1/2009 – 12/2012). Pha II đã kết thúc tốt đẹp, dự án đã đạt được các kết quả chính sau:

- 14 học viên cao học đã hoàn thành luận văn thạc sĩ do các nhà khoa học Việt Nam và Đan Mạch đồng hướng dẫn. Nội dung của luận văn cũng là một phần nội dung nghiên cứu của dự án.

- Công bố 10 bài báo trên các tạp chí uy tín trên thế giới trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí “Nature Geoscience”.

- 03 nghiên cứu sinh và 01 học viên cao của đã bảo vệ thành công luận án và luận văn.

- Thiết lập 02 bãi thí nghiệm ngoài trời tại Đan Phượng và Nam Dư (Hà Nội); khoan, lấy mẫu hút nước thí nghiệm, quan trắc nghiên cứu xâm nhập mặn hiện đại tại Nam Định và Thái Bình phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế về asen trong nước ngầm vùng Nam Á tổ chức tại Hà Nội vào tháng 11/2011 với hơn 100 đại biểu tham dự đến từ 20 nước trên thế giới.

- Bàn giao thiết bị và các bãi thí nghiệm cho các đối tác phía Việt Nam sử dụng phục vụ cho công tác NCKH và giảng dạy.

II. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Trong 5 năm 2011-2015, Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 82 đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ (*trước năm 2011 chuyển sang 35 đề tài, giai đoạn 2011-2015 có 47 đề tài*), gồm:

01 chương trình mã số CTB-2012-02 (gồm 07 đề tài);

02 nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương;

72 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ. Tình hình thực hiện, cụ thể:

II.1. Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

Năm 2012, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chủ trì thực hiện chương trình KHCN mã số CTB-2012-02 "*Nghiên cứu, đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng*" do PGS.TS Trần Đình Kiên làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 2012-2014, với tổng kinh phí 6.000trđ.

07 đề tài thuộc chương trình đã hoàn thành nội dung nghiên cứu, được nghiệm thu cấp Bộ và kết quả đều xếp loại tốt.

Kết quả nghiên cứu của Chương trình đã đóng góp trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao chuyên sâu về nghiên cứu các điều kiện địa chất công trình, đồng thời góp phần quan trọng trong việc định hướng và cung cấp cơ sở dữ liệu tin cậy cho công tác quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các tỉnh cũng như của cả vùng ven biển Bắc Bộ. Góp phần nâng cao nhận thức về hiểm họa thiên tai, xây dựng phương pháp, tạo cơ sở khoa học cho định hướng nghiên cứu và phát triển bền vững kinh tế - xã hội ở vùng ven biển đồng bằng Bắc Bộ nói riêng, duyên hải cả nước nói chung;

Kết quả nghiên cứu của chương trình phục vụ trực tiếp công tác quy hoạch tổng thể các khu vực kinh tế ven biển, hệ thống đê biển, cảng biển, giao thông đường bộ, quản lý nguồn nước, ... ở các khu vực nghiên cứu thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

Chương trình đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn về điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ; Bộ bản đồ và sơ đồ định hướng quy hoạch tổng thể xây dựng, khai thác kinh tế lãnh thổ vùng nghiên cứu; Công bố 02 báo cáo khoa học tại Hội nghị Quốc tế năm 2015; 13 bài báo trên tạp chí uy tín chuyên ngành trong nước; 07 báo cáo hội nghị khoa học trong nước; Đào tạo: 11 thạc sỹ và góp phần đào tạo 02 NCS.

Ban Chủ nhiệm chương trình đã hoàn thành báo cáo tổng kết và đang chờ Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức tổng kết chương trình.

II.2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Tổng số 72 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ thực hiện trong giai đoạn này, trong đó: trước năm 2011 chuyển sang có 35 đề tài, giai đoạn 2011-2015 có 37 đề tài. Đã có 51 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ (trong đó có 37 đề tài đạt loại tốt, 14 đề tài loại khá); 05 đề tài đã nghiệm thu ở cấp cơ sở. 15 đề tài đang triển khai thực hiện đúng tiến độ và 01 đề tài đã quá hạn nghiên cứu.

II.3. Nhiệm vụ hợp tác song phương về khoa học công nghệ

Năm 2012, Trường Đại học Mở - Địa chất được giao thực hiện 02 nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học công nghệ, gồm:

- Nhiệm vụ mã số 01/2012/HĐ-HTQTSP “*Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường phóng xạ đối với con người do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chứa phóng xạ vùng Tây Bắc Việt Nam và đề xuất giải pháp phòng ngừa*” (nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam – Ba Lan) do GS.TS Lê Khánh Phồn làm chủ nhiệm.

- Nhiệm vụ mã số 02/2012/HĐ-HTQTSP “*Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng, phần lãnh thổ Việt Nam*” (nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam – Nhật Bản) do TS Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm.

Cả hai nhiệm vụ này đã triển khai với kết quả khả quan, đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu theo kinh phí được cấp. Hợp tác nghiên cứu khoa học của các nước ký kết song phương góp phần thúc đẩy năng lực nghiên cứu của các thành viên thực hiện đề tài tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu tiên tiến của Ba Lan và Nhật Bản. Đã có các bài báo khoa học công bố thuộc danh mục ISI, học viên cao học và NCS nghiên cứu theo hướng đề tài. Tuy nhiên, do kinh phí cấp không đảm bảo tiến độ đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thực hiện cũng như kết quả của nhiệm vụ.

Đánh giá chung: Trong 5 năm qua, Trường Đại học Mở - Địa chất đã gắn mục tiêu các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Các đề tài cấp Bộ trong thời gian qua chủ yếu do các nhà khoa học của trường đề xuất phần lớn tập trung giải quyết các yêu cầu cấp thiết của thực tế, trong lĩnh vực điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên nước ngầm, khoáng sản, đất đai, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN thuộc các lĩnh vực chuyên môn của trường phục vụ sự phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội và cuộc sống con người. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ giảng viên của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả thực hiện các đề tài NCKH và triển khai công nghệ là tài liệu phong phú đóng góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ đào tạo. Kết quả của các đề tài NCKH còn giúp cho việc hình thành nhiều đồ án tốt nghiệp, luận văn, luận án. Đó là những hiệu quả đáng kể của hoạt động NCKH mang lại cho hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Tuy vậy, trong việc thực hiện nhiệm vụ NCKH cấp Bộ, trong 5 năm qua cũng còn một số hạn chế sau:

- Việc cấp kinh phí cho một số đề tài không đảm bảo tiến độ, nên phải kéo dài thời gian thực hiện (chủ yếu đề tài thực hiện từ năm 2012, 2013 và 2014);

- Một số đề tài còn kéo dài thời hạn nghiên cứu do chủ nhiệm đề tài không chủ động sắp xếp thời gian để thực hiện hoặc gặp khó khăn về số liệu, phân tích thí nghiệm;

- Kết quả nghiên cứu của một số đề tài còn chưa được công bố hoặc triển khai ứng dụng thực tế nên hiệu quả kinh tế - xã hội chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do

phần lớn các đề tài đều ở dạng nghiên cứu cơ bản. Các địa phương, doanh nghiệp chưa chủ động hợp tác với các nhà khoa học trong đầu tư tài chính và đưa tiền bộ KHCN vào ứng dụng thực tế.

III. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ các địa phương

Trong 5 năm qua, song song với việc thực hiện các nhiệm vụ cấp Nhà nước và cấp Bộ, các nhà khoa học của Trường còn được các Sở KHCN, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh và các Tập đoàn kinh tế lớn đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Các nhiệm vụ này chủ yếu tập trung giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan tới các lĩnh vực đang là thế mạnh của Nhà trường, như điều tra, khai thác và quản lý tài nguyên nước dưới đất; ứng dụng công nghệ mới trong đánh giá tiềm năng và quản lý tài nguyên, khoáng sản; điều tra, đánh giá môi trường các vùng mỏ. Trong giai đoạn 2011-2015 Nhà trường đã thực hiện 23 nhiệm vụ NCKH phục vụ các địa phương với tổng kinh phí 33.254 trđ (xem Bảng 4).

IV. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Nghiên cứu khoa học cấp trường (cơ sở) nhằm phục vụ mục tiêu của Nhà trường là đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, khai thác tốt hơn tiềm năng của đội ngũ CBGD trẻ. Trong giai đoạn 2011-2015, Hiệu trưởng đã phê duyệt 228 đề tài cấp cơ sở, với tổng kinh phí hỗ trợ là 5.628 trđ. Tuy số lượng các đề tài giảm 23% so với giai đoạn trước, nhưng kinh phí thực hiện đã tăng hơn 7 lần. Nhà trường chú trọng đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng đề tài NCKH cấp cơ sở từ khâu đăng ký, xét duyệt, đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Kết quả là chất lượng các đề tài đã được nâng cao rõ rệt trong đó một số đề tài cấp cơ sở đã có cả các công bố quốc tế.

Tuy nhiên, một số đề xuất đề tài cấp cơ sở còn hạn chế như chưa sát với mục tiêu chuyên môn, chất lượng của đề cương nghiên cứu thấp. Vì vậy, trong thời gian tới một vấn đề đặt ra đối với các đơn vị (khoa, bộ môn) là chú trọng xây dựng mục tiêu, các định hướng chuyên môn của đơn vị, thẩm định nội dung đề cương các đề tài và giám sát việc thực hiện đề tài của cán bộ chủ trì.

Nhà trường luôn quan tâm tới hoạt động nghiên cứu khoa học cho cán bộ trẻ, đặc biệt là học viên cao học và nghiên cứu sinh là cán bộ giảng dạy của nhà trường trong đó có ưu tiên, khuyến khích các NCS, học viên cao học chủ trì đề tài NCKH cấp cơ sở, tham gia thực hiện các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước. Kết quả của đề tài là tiền đề cho các luận văn, luận án và công bố các công trình NCKH trên các tạp chí trong và ngoài trường, các hội thảo khoa học, góp phần tạo động lực cho các NCS, học viên cao học hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu.

V. Một số kết quả nổi bật trong thực hiện chương trình, đề tài NCKH các cấp

Trong số các đề tài thực hiện trong giai đoạn 2011-2015, có nhiều đề tài có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn cao được Hội đồng nghiệm thu các cấp đánh giá tốt, tiêu biểu là:

1) Đề tài KHCN cấp Nhà nước mã số BĐKH.42 thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình Mục tiêu quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu KHCN-BĐKH/11-15 do PGS.TS. Trần Thanh Hải chủ nhiệm. Sản phẩm của đề tài là bộ bản đồ cấu trúc - tân kiến tạo và kiến tạo hiện đại khu vực ven biển miền Trung; công bố 10 bài báo khoa học, 07 báo cáo tại hội nghị quốc tế, đào tạo 03 thạc sỹ, góp phần đào tạo 3 NCS. Đề tài thực hiện đúng tiến độ và đã nghiệm thu cấp Quốc gia

tháng 12/2015, đạt loại Xuất sắc.

2) PGS.TS Đoàn Văn Cánh chủ nhiệm hai đề tài:

- Đề tài KHCN cấp Nhà nước KC.06.08/11-15, kết quả nghiên cứu của đề tài xây dựng được bộ tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững tài nguyên nước dưới đất đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ; đã công bố 01 bài báo quốc tế, 07 bài báo và báo cáo tại hội nghị khoa học; đào tạo được 06 học viên cao học và 02 NCS theo hướng của đề tài.

- Đề tài KHCN cấp Bộ mã số B2010-02-106TĐ, kết quả của đề tài đã thăm dò, tìm kiếm và khai thác nước đưa vào sử dụng phục vụ sinh hoạt tại huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang nơi rất khó khăn về nguồn nước sinh hoạt, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đề tài được UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá cao về kết quả NCKH – chuyển giao công nghệ.

3) Chương trình KHCN cấp Bộ mã số CTB-2012-02 do Ban chủ nhiệm chương trình (PGS.TS Trần Đình Kiên, PGS.TS Lê Trọng Thắng và PGS.TS Nguyễn Quang Luật điều hành) đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn về điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ và bộ bản đồ, sơ đồ định hướng quy hoạch tổng thể xây dựng, khai thác kinh tế lãnh thổ vùng nghiên cứu; định hướng công tác quy hoạch tổng thể các khu vực kinh tế ven biển, hệ thống đê biển, cảng biển, giao thông đường bộ, quản lý nguồn nước, ... thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

4) PGS.TS Nguyễn Văn Lâm (BM.ĐCTV) chủ nhiệm các đề tài NCKH – chuyển giao công nghệ cho các địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía bắc nơi khan hiếm nguồn nước ngọt phục vụ cho sinh hoạt của địa phương được các Sở KHCN đặt hàng, đã thực hiện có hiệu quả, tạo uy tín thương hiệu trong hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ của nhà trường cho các địa phương.

5) PGS.TS Lê Tiến Dũng chủ nhiệm các đề tài, hợp đồng NCKH – chuyển giao công nghệ cho các địa phương về địa chất, địa mạo, tân kiến tạo, tạo tiền đề cho công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên, khoáng sản các tỉnh Nam Định, Quảng Trị, Gia Lai, Kom Tum, ... làm cơ sở khoa học cho địa phương trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản của các tỉnh.

6) PGS.TS Lê Hải An chủ nhiệm đề tài hợp tác NCKH – chuyển giao công nghệ giữa Trường Đại học Mở - Địa chất với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã được nghiệm thu đạt kết quả tốt. Kết quả nghiên cứu ngoài ý nghĩa khoa học còn có ý nghĩa thực tiễn rất lớn, đã xây dựng được hệ phương pháp luận và quy trình nghiên cứu đá cacbonat trong khu vực bể Phú Khánh, là cơ sở khoa học cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí.

7) PGS.TS Nguyễn Anh Dũng chủ nhiệm 02 đề tài do Bộ Công Thương đặt hàng. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất được quy trình chế tạo hệ hóa phẩm gốc sinh học bền nhiệt; Quy trình sử dụng và chế độ công nghệ khai thác khi sử dụng hệ hóa phẩm mới. Kết quả thử nghiệm, đánh giá hiệu quả của hệ hóa phẩm gốc sinh học bền nhiệt mới trên mô hình thực nghiệm, ứng dụng trong khai thác dầu khí để nâng cao hệ số thu hồi dầu.

8) Kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH cấp cơ sở mã số: T14-31 (TS Hoàng Văn Long chủ nhiệm), T14-32 (TS Bùi Hoàng Bắc chủ nhiệm), T14-01 (NCS Nguyễn Trường Thanh chủ nhiệm), T15-10 (ThS Nguyễn Thị Thu Hiền chủ nhiệm), T15-05 (CN Đình Văn Thiên) đã có công bố trên các tạp chí quốc tế, bổ

sung tài liệu vào bài giảng, giáo trình góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học của Nhà trường.

B. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ luôn là thế mạnh của Trường Đại học Mở - Địa chất trong nhiều năm qua. Hoạt động này thông qua việc thực hiện các hợp đồng KHCN nhằm giải quyết những nhiệm vụ cụ thể mà đời sống kinh tế xã hội đặt ra. Kinh phí cho hoạt động này đến từ ngân sách Nhà nước và các nguồn khác của các địa phương, các tập đoàn, công ty và đơn vị sản xuất. Trong 5 năm qua, hoạt động KH và chuyển giao công nghệ đã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Nhà trường được thực hiện dưới hai hình thức là các đề tài, hợp đồng được ký trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các trung tâm nghiên cứu, công ty Codeco (xem Bảng 4, 5 và Bảng 6).

Bảng 6. Kết quả hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số hợp đồng đã thực hiện	H.đồng	5.718	4.719	-17
2	Kinh phí quyết toán	trđ	803.946	938.297	+17
3	Số tiền đóng góp cho Trường	trđ	12.444	15.615	+25
4	Nộp thuế các loại	trđ	64.701	79.942	+24

Phát huy thế mạnh của Trường, sự hợp tác giữa Nhà trường với các địa phương, các đơn vị trong phạm vi cả nước trong những năm qua đã và đang liên tục phát triển. Các lĩnh vực hợp tác trong hoạt động KHCN ngày một đa dạng, phong phú hơn, đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Các trung tâm, công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò nghiên cứu triển khai và phục vụ đào tạo của mình, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung của Nhà trường.

Các dự án, đề tài KHCN của Nhà trường mang những đặc thù riêng và được tập trung vào các lĩnh vực chính sau:

- Nghiên cứu khảo sát, đánh giá hiện trạng bức xạ tự nhiên, xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường phóng xạ và đề xuất các biện pháp xử lý.

- Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn, tài nguyên nước, vật liệu xây dựng phục vụ việc quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương, tận thu khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên các địa phương.

- Nghiên cứu thành phần vật chất lớp phong hóa thổ nhưỡng, điều kiện thủy văn - môi trường, xác định ảnh hưởng của chúng tới quy hoạch phát triển cây trồng, thủy lợi, thủy điện, bảo vệ môi trường nước dưới đất phục vụ cuộc sống con người.

- Khảo sát, thăm dò tỉ mỉ, tư vấn thiết kế khai thác các mỏ khoáng sản vừa và nhỏ, thiết kế xây dựng các công trình trên mặt và công trình ngầm phục vụ khai thác mỏ và giao thông.

- Đo vẽ, thành lập các loại bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, giải thửa, bản đồ địa chất và phân vùng khoáng sản ở các tỉ lệ khác nhau, phục vụ việc phân vùng kinh tế lãnh thổ và bảo vệ biên giới, biển và hải đảo của tổ quốc.

- Khảo sát lập bản đồ chi tiết quy hoạch xây dựng, xác định các chỉ tiêu nền móng công trình xây dựng, quan trắc sự biến dạng của các công trình, nghiên cứu và đề xuất các biện pháp xử lý.

Kết quả của hàng trăm dự án và các hợp đồng KHCN đã được nhà trường chuyển giao tới các Bộ, địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, như Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam, các tỉnh như Hà Nội, Quảng Ninh, Yên Bái, Quảng Nam, Kon Tum, ...

Thông qua việc thực hiện các dự án, các đề tài NCKH – triển khai công nghệ, thầy và trò của Nhà trường đã mở rộng địa bàn thực tập, tạo được nhiều cơ hội mới thuận lợi cho việc đưa tiến bộ KHKT vào thực tế sản xuất, kết hợp tốt giữa học với hành, giúp người học làm quen với khoa học tiên tiến, với thiết bị công nghệ cao. Nhiều đề tài tốt nghiệp, luận văn, luận án đã được hình thành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trên.

Như vậy NCKH và triển khai công nghệ đã thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần xứng đáng vào việc hoàn thành nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

C. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÁC

I. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mở - Địa chất đã được nhà nước đầu tư 07 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu (TCNLNC). Từ năm 2011 đến nay, Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư 02 dự án phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, gồm:

Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu (TCNLNC) cho phòng thí nghiệm “*Địa kỹ thuật công trình*”, dự án được Bộ phê duyệt thực hiện trong 2 năm với tổng kinh phí từ NSNN là 8.000trđ. thực hiện năm 2010-2011. Dự án đã được nghiệm thu cấp Bộ và đi vào hoạt động với hiệu quả tốt. Ngoài các thiết bị được nhà nước đầu tư, Nhà trường còn sử dụng vốn tự có để đồng bộ hóa các thiết bị còn thiếu, phục vụ nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm của các nhà khoa học trong và ngoài trường.

Năm 2014-2015, Nhà trường được giao thực hiện dự án TCNLNC cho phòng thí nghiệm “*Xây dựng công trình ngầm*” với tổng kinh phí 9.400trđ (NSNN: 7.000trđ, nguồn vốn đối ứng 2.400trđ). Dự án đã tiếp nhận thiết bị và đang vận hành.

Bên cạnh đó, Dự án “*Phòng thí nghiệm Khoa học Địa chất*” được Bộ phê duyệt thực hiện trong 3 năm (2012-2014), với tổng kinh phí 60.000 trđ (NSNN: 40.000 trđ, nguồn vốn đối ứng 20.000 trđ). Nhà trường đã chuyển giao thiết bị và giao cho Khoa Địa chất tổ chức vận hành đưa vào sử dụng bước đầu có hiệu quả.

Nhà trường tiếp tục kiểm tra, đánh giá hiện trạng của các phòng thí nghiệm đã được đầu tư, xây dựng và ban hành quy chế quản lý, kiện toàn bộ máy nhân sự; bổ sung các thiết bị, vật tư còn thiếu, sửa chữa kịp thời các trang bị cơ sở hạ tầng hư hỏng, nhằm khai thác tối đa các thiết bị đã có phục vụ NCKH và đào tạo; đồng thời xem xét kỹ các đề án xây dựng các phòng thí nghiệm mới nhằm tránh sự chồng chéo, thiếu đồng bộ, đầu tư thiết bị lạc hậu không đáp ứng được tiêu chuẩn trong nước và hội nhập quốc tế.

II. Nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên

Thông qua việc tổ chức thi Olympic các cấp và tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên, Nhà trường đã bồi dưỡng, khuyến khích và tạo điều kiện cho các tài năng trẻ phát triển.

II.1. Tổ chức thi Olympic

Vào tháng 3 hàng năm, Nhà trường tổ chức thi Olympic cấp Trường cho các môn học gồm Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu, Cơ học đất, Tin học, ...

Trong 5 năm qua, 5 kỳ thi được tổ chức với 2208 thí sinh dự thi, có 442 em sinh viên đạt giải cấp Trường. Sau mỗi kỳ thi cấp Trường, các đội tuyển được thành lập, huấn luyện và tham dự thi Olympic quốc gia ở các môn Toán, Hóa, Vật lý và các môn Cơ học. Kết quả có 84 thí sinh đạt giải quốc gia, tăng gấp đôi giai đoạn trước (Bảng 7).

Bảng 7. Tổng hợp kết quả thi Olympic các cấp giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số sinh viên dự thi	2423	2208	-8,9
2	Số sinh viên đạt giải cấp Trường	580	442	-23,8
3	Số sinh viên đạt giải quốc gia	40	84	+110
	- nhất	2	4	
	- nhì	6	25	
	- ba	13	27	
	-khuyến khích	19	28	

Năm 2013, Nhà trường cùng với Hội Vật lý Việt Nam tổ chức thành công kỳ thi Olympic Vật lý Quốc gia tại Trường, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường về năng lực chuyên môn cũng như khả năng tổ chức các sự kiện khoa học lớn. Đoàn sinh viên của Trường Đại học Mở -Địa chất tại kỳ thi này đã được giải Nhất toàn đoàn, góp phần quan trọng cho sự thành công của kỳ thi.

II.2. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, trong đó đã tài trợ kinh phí cho gần 200 đề tài NCKH sinh viên. Bên cạnh đó, các khoa và các bộ môn chuyên môn cũng tham gia tích cực vào hoạt động tài trợ cho NCKH SV.

Hội nghị khoa học sinh viên thường niên của nhà trường được tổ chức nhân dịp kỷ niệm ngày sinh nhật Bác vào tháng 5 hàng năm. Hội nghị là diễn đàn để sinh viên công bố các kết quả nghiên cứu khoa học của mình.

Từ năm 2011-2015, Nhà trường đã tổ chức thành công 5 Hội nghị Khoa học sinh viên, với 1068 báo cáo khoa học được trình bày tại các tiểu ban. Hội đồng khoa học của các tiểu ban đã đánh giá nghiêm túc chất lượng các báo cáo lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 249 báo cáo đạt các giải.

Ban Tổ chức hội nghị của Nhà trường đã lựa chọn các công trình có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao để gửi tham dự giải tài năng khoa học trẻ giành cho sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đã có 14 báo cáo đạt giải, trong đó có 1 giải nhất, 7 giải ba và 6 giải khuyến khích. Báo cáo giải nhất đã nhận được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem Bảng 8).

Trong hai năm (2012 và 2014), Tập đoàn Dầu khí TNK (nay là Công ty Dầu khí Rosneft) của Cộng hòa Liên Bang Nga đã hỗ trợ khoản kinh phí 55.000 USD cho 25 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên và 03 nhóm chế tạo robot. Sự hỗ trợ kinh phí này đã góp phần cho thành công của các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chất lượng cao, nâng cao năng lực nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình và làm việc theo nhóm của sinh viên. Trong số 25 đề tài được hỗ trợ nói trên, một số có kết quả tốt có ý nghĩa khoa học, thực tiễn, được công bố trên các tạp chí và đạt được những giải thưởng cao. Kết quả NCKH sinh viên 5 năm được tổng hợp trong Bảng 8.

Bảng 8. Tổng hợp kết quả NCKH sinh viên giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số sinh viên tham gia	3835	4020	+5,5
2	Số báo cáo khoa học	1105	1068	-3,3
3	Số báo cáo đạt giải cấp Trường	273	249	-8,8
4	Số báo cáo giải cấp Bộ	32	14	-56,2
	- nhất	2	1	
	- nhì	2		
	- ba	7	7	
	- khuyến khích	21	6	

Nhà trường thường xuyên quan tâm tới việc khích lệ sinh viên giỏi, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học, tạo các điều kiện thuận lợi cho các em sinh viên ôn luyện, dự thi và thực hiện tốt các đề tài NCKH của mình, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Công tác NCKH và thi Olympic của sinh viên trong 5 năm qua đã đi vào nề nếp, kết quả năm sau tốt hơn năm trước. Công tác tổ chức, quản lý hoạt động KH sinh viên cũng đã được cải tiến nhằm tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên đạt được kết quả tốt nhất trong công tác này.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, còn không ít các đề tài NCKHSV mang tính hình thức, hàm lượng khoa học thấp, một số cán bộ hướng dẫn chưa thực sự tận tâm với công tác nghiên cứu của sinh viên do mình phụ trách. Hơn nữa, kinh phí hỗ trợ cho mỗi đề tài còn rất khiêm tốn cũng là một lý do làm cho chất lượng nhiều đề tài NCKH của sinh viên chưa được như mong muốn.

Để công tác NCKH của sinh viên trong những năm tới có kết quả tốt hơn, cần nâng cao vai trò trách nhiệm của các thầy, các bộ môn chuyên môn trong việc lựa chọn các đề tài; tạo điều kiện để sinh viên có nhiều thời gian nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, tiếp cận với các trang thiết bị hiện đại; đồng thời đẩy mạnh liên kết với các nhà khoa học thuộc các cơ quan khoa học ngoài trường trong việc đồng hướng dẫn, và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tế. Nhà trường cũng cần cải tiến và hoàn thiện các quy chế và quy trình một cách hợp lý nhằm thúc đẩy hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học sinh viên.

III. Hoạt động thông tin khoa học

Hoạt động thông tin khoa học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thể hiện ở các công tác như tổ chức các hội nghị khoa học và các hội thảo chuyên đề trong nước và quốc tế, thiết lập và thực hiện các đề tài NCKH theo Nghị định thư, hợp tác quốc tế về trao đổi học thuật và xuất bản, phát hành các tài liệu khoa học.

Trong 5 năm qua (2011-2015), Nhà trường đã tổ chức 2 hội nghị khoa học Trường (lần thứ 20 năm 2012 và 21 năm 2014). Trong các hội nghị này, 515 báo cáo khoa học của các tác giả trong và ngoài nước đã được trình bày tại các tiểu ban chuyên môn về tất cả các lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và các hướng nghiên cứu và đào tạo của nhà trường. Các hội nghị này còn là nơi giao lưu và trao đổi thông tin giữa các nhà khoa học, về các xu thế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, các phương pháp và tiếp cận KHCN tiên tiến. Đây cũng là nơi truyền tải nhanh nhất và hiệu quả nhất thông tin về kết quả nghiên cứu và triển khai áp dụng.

Ngoài việc tổ chức các HNKH trường, trong 5 năm qua, Nhà trường cũng đã phối hợp với các tổ chức khoa học và các trường đại học ở nước ngoài, tổ chức thành

công nhiều hội thảo quốc tế như “*Những tiến bộ kỹ thuật môi trường trong khai thác tài nguyên thiên nhiên*” tháng 6/2011; “*Địa chất và tài nguyên khoáng sản khối Đông Dương và vùng lân cận Tây Nam Trung Quốc*” tháng 6/2012; “*Những tiến bộ trong khai thác mỏ và xây dựng trong công trình ngầm*” tháng 10/2014; “*Những tiến bộ địa kỹ thuật với sự phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu*” tháng 11/2015 và hàng chục hội thảo khoa học cho các ngành của trường như Khai thác mỏ, xây dựng công trình ngầm và mỏ, Địa chất - Địa chất thủy văn, Môi trường, Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản, Ứng dụng công nghệ mới v.v.... Các hội thảo đã thu hút được nhiều nhà khoa học quốc tế tham dự. Nội dung của nhiều cuộc hội thảo đã được biên tập và xuất bản dưới dạng các tuyển tập, phổ biến rộng rãi trong và ngoài nước.

Các hội thảo không chỉ mang ý nghĩa khoa học, gắn kết mật thiết các nhà khoa học với công tác NCKH - triển khai công nghệ mà thiết thực phục vụ công tác quy hoạch đào tạo nhân lực trình độ cao.

Về hoạt động xuất bản, 5 năm qua, Nhà trường đã đầu tư thỏa đáng và cho xuất bản rộng rãi trong cả nước các tài liệu khoa học của Trường với nội dung ngày một phong phú hơn, chất lượng cao hơn, với nhiều đầu sách tra cứu, tham khảo (Bảng 9).

Bảng 9. Tổng hợp các tài liệu khoa học đã in ấn và phát hành giai đoạn 2011-2015

Năm	Tên tài liệu khoa học	Số lượng ấn phẩm	Ghi chú
2011	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 33-36: 9 số có 5 số chuyên đề)	3700	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2011	300	
2012	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 37-40: có 1 số chuyên)	1200	
	- Tuyển tập các báo cáo (HNKH 20)	700	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2012	300	
2013	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 41 -44)	1200	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên - năm 2013	300	
2014	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 45-48: có 1 số chuyên)	1200	
	- Tuyển tập các báo cáo (HNKH 21)	700	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2014	300	
2015	- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (từ số 49, 50, 51,52)	1200	
	- Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên 2015	300	
Tổng cộng	1. Tuyển tập các báo cáo HNKH	1400	
	2. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất từ số 33-52: có 25 số	8500	
	3. Tuyển tập các báo cáo KHSV (từ 2011 đến 2015- 5 đầu sách)	1500	
	4. Các tài liệu phục vụ Hội thảo (30 hội thảo)	3300	

Từ tháng 1/2011 đến tháng 1/2016, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất đã xuất bản 25 số (có 7 số chuyên đề) với 8500 ấn phẩm. Các ấn phẩm này được gửi tới một số thư viện quốc gia và cả bạn đọc ngoài nước và được đánh giá là tài liệu khoa học có giá trị trong các lĩnh vực khoa học Trái đất và Mỏ. Tháng 4/2015 Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất đã được Cục Báo chí cho phép xuất bản bằng tiếng Anh (02 số/năm và đã được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp chỉ số giao dịch quốc tế ISSN số 1859-1469.

Ngoài những tài liệu trên, Nhà trường cũng đã xuất bản "Tuyển tập các báo cáo khoa học" để đăng tải kết quả các Hội nghị khoa học. Năm năm qua, 21 đầu sách với hàng ngàn ấn phẩm đã là tài liệu của các hội nghị, hội thảo khoa học..

Nhiều kết quả của các đề tài NCKH các cấp đã được các nhà khoa học chuyển tải thành các bài báo, báo cáo khoa học tại các hội nghị trong và ngoài nước. Tuy nhiên, các công trình công bố quốc tế còn có sự phân bố không đồng đều giữa các khoa và chủ yếu tập trung ở một số khoa như Địa chất, Dầu khí, Khoa học cơ bản, Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ (Bảng 9, 10).

Bảng 9. Số lượng các công trình công bố giai đoạn 2011-2015 được phân theo Khoa

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ – Điện ✓	3	93	68
2	Công nghệ thông tin ✓	6	30	38
3	Dầu khí ✓	24	130	96
4	Địa chất ✓	34	103	124
5	Khoa học cơ bản ✓	24	48	122
6	Giáo dục quốc phòng		2	6
7	Kinh tế - QTKD ✓		71	155
8	Lý luận chính trị		26	32
9	Mỏ ✓	11	79	125
10	Xây dựng	10	39	114
11	Trắc địa – Bản đồ và QLĐĐ ✓	19	191	149
12	Môi trường ✓	4	47	93
	Cộng	135	859	1152

(tên bài báo, báo cáo, tác giả chi tiết trên website: <http://www.humg.edu.vn/vi/khoa-hoc-cong-nghe/tin-tuc-su-kien>)

Bảng 10. Số lượng các công trình công bố giai đoạn 2011-2015 so với giai đoạn 2006-2010

TT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2015	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế	27	135	+400
2	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước	596	859	+44,1
3	Số báo cáo công bố tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	442	1152	+160,6

IV. Hoạt động quảng bá sản phẩm – Sở hữu trí tuệ

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ (tháng 5/2015). Theo đó, nhà trường được hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các chương trình, đề tài, dự án trong các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo của Trường; được phép chuyển giao kết quả NCKH và công nghệ, tổ chức trao đổi thông tin và thực hiện dịch vụ KHCN trong các lĩnh vực nghiên cứu của Trường và hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Trường.

Năm 2015, PGS.TS Trần Thanh Hải vinh dự được nhận giải thưởng Tạ Quang Bửu. Đây là Giải thưởng nhằm tôn vinh các nhà khoa học có công trình công bố xuất sắc trong nghiên cứu cơ bản được đăng trong các tạp chí đẳng cấp thế giới.

PGS.TS Đinh Văn Chiến đã được cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (năm 2013, hiện gia hạn đến 2020) cho sản phẩm “*Phương pháp phun nổ để phục hồi chi tiết bị mài mòn*”.

Theo công bố của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Bộ KHHCN), Trường Đại học Mỏ - Địa chất là 1 trong 20 tổ chức của Việt Nam có nhiều công bố quốc tế nhất trong giai đoạn 2010-2014.

V. Thực hiện chuyển đổi hoạt động các Trung tâm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Công ty Codeco theo Nghị định 80/NĐ-CP

Thực hiện công tác chuyển đổi các trung tâm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và chuyển đổi công ty theo Nghị định 80/2005/NĐ-CP, Nhà trường đã thành lập Tổ Định giá tài sản của các trung tâm. Kết quả kiểm tra cho thấy phần lớn các trung tâm đã thực hiện công tác kê khai đánh giá tài sản của đơn vị mình đầy đủ, cụ thể, đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ chuyển đổi mô hình hoạt động theo quy định. Sau gần 10 năm thực hiện công tác chuyển đổi theo yêu cầu của Nhà nước, đến tháng 5/2014, 07 trung tâm và Công ty Codeco đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chuyển đổi. Ngay sau khi hoàn thành thủ tục và được Bộ cho phép chuyển đổi, các trung tâm, Công ty Codeco đã khẩn trương hoàn thiện các thủ tục hành chính như xin cấp mới giấy phép hoạt động KHHCN, khắc dấu mới, ... Công tác chuyển đổi của nhà trường đã hoàn thành tạo động lực mới cho các trung tâm, công ty Codeco trong hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ. Sau khi được chuyển đổi một số trung tâm đã mở ra được nhiều hợp đồng theo hướng liên doanh liên kết với các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

VI. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của nhà trường trong giai đoạn này có nhiều kết quả nổi bật, đã thực hiện được nhiều đề tài, dự án như: 02 nhiệm vụ hợp tác KHHCN theo nghị định thư với CH Pháp và CHLB Đức; 02 nhiệm vụ hợp tác song phương với Ba Lan và Nhật Bản; đồng chủ trì pha I và II dự án VietAs với Đan Mạch (đã kết thúc) với kết quả tốt; đang phối hợp với Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp tục thực hiện dự án với Đan Mạch do Liên minh Châu Âu tài trợ kinh phí. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hoạt động KHHCN.

VII. Công tác quản lý KHHCN

Nhiệm vụ quản lý các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ hàng năm của Trường đã đi vào nề nếp. Công tác này đã được phòng KHHCN và các phòng chức năng liên quan bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ để tổ chức quản lý chặt chẽ.

- Phòng KHHCN thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo các hợp đồng và đề cương nghiên cứu; hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài báo cáo tiến độ, kết quả và thực hiện kế hoạch chi tiêu theo

các quy định. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành. Kịp thời triển khai tổ chức đăng ký các đề tài mới và xây dựng kế hoạch KHCN của Trường.

- Phòng Tài vụ đã kịp thời giải quyết kinh phí cho các đề tài, dự án thực hiện theo tiến độ và dự toán của chủ nhiệm đề tài, hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện đúng các yêu cầu quản lý chi tiêu tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Các khoa, bộ môn kịp thời triển khai tổ chức đăng ký, xét duyệt sơ bộ các đề xuất nhiệm vụ KHCN theo hướng dẫn của Trường. Tham gia tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả ở cấp cơ sở và cấp Bộ.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý của một số đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) đối với các đề tài, dự án NCKH; các hợp đồng triển khai công nghệ phục vụ sản xuất chưa được quan tâm đúng mức, thiếu sự kiểm tra đôn đốc sát sao đến việc thực hiện đề tài, dự án, hợp đồng NCKH của cán bộ thuộc đơn vị quản lý.

VIII. Công tác tài chính

Trong 5 năm qua (2011-2015) Nhà trường đã sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước đầu tư cho hoạt động KHCN. Các đề tài, dự án các cấp đều hoàn thành việc quyết toán kinh phí được cấp hàng năm.

Ngoài kinh phí được Nhà nước đầu tư, hàng năm Nhà trường còn trích một phần kinh phí đáng kể từ nguồn chi thường xuyên hỗ trợ cho các hoạt động KHCN: đề tài NCKH cấp cơ sở, NCKH của sinh viên, các hội nghị, hội thảo... nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trường.

Phòng KHCN đã phối hợp chặt chẽ với phòng Tài vụ hướng dẫn, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài quyết toán kinh phí hàng năm theo đúng quy định về tài chính.

Năm 2015, ngoài ngân sách nhà nước chi cho hoạt động cấp nhà nước và cấp bộ, nhà trường đã triển khai thực hiện nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm hàng năm dành tối thiểu 5% từ nguồn thu hợp pháp để đầu tư, khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị và dành 3% từ nguồn thu học phí để sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu với tổng kinh phí chi cho hoạt động KHCN cấp cơ sở là 2.100trđ.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN 5 NĂM 2016-2020
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016

A. MỤC TIÊU

Đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ nhu cầu xã hội của Trường Đại học Mở-Địa chất từ năm 2016 đến năm 2020 nhằm:

- Xây dựng Trường Đại học Mở-Địa chất thành một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

- Đề xuất và trực tiếp thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của các hoạt động khoa học - công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển Trường đã được Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX thông qua.

- Đổi mới công tác quản lý khoa học - công nghệ, gắn hoạt động khoa học - công nghệ với đào tạo và phục vụ nhu cầu xã hội.

- Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý về khoa học - công nghệ của Trường Đại học Mở - Địa chất.

B. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

I. Xây dựng Trường Đại học Mở-Địa chất theo mô hình đại học định hướng ứng dụng

1. Nghiên cứu cơ chế quản lý đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao theo mô hình đại học định hướng ứng dụng;

2. Xây dựng hệ thống nghiên cứu khoa học trong mô hình chung của Trường Đại học Mở-Địa chất theo hướng một đại học ứng dụng;

3. Xây dựng cơ chế hoạt động và quản lý đảm bảo sự liên thông giữa 3 hệ thống chức năng trong Trường Đại học Mở - Địa chất: đào tạo - nghiên cứu khoa học - phục vụ nhu cầu xã hội.

II. Đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ:

1. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hệ thống quản lý khoa học - công nghệ; phân cấp quản lý một cách hợp lý giữa Nhà trường và các đơn vị trong toàn trường.

2. Xây dựng qui định về nghiên cứu khoa học trong cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Mở-Địa chất.

3. Xây dựng qui định về quản lý phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Mở-Địa chất.

4. Rà soát và ban hành các văn bản qui định về quản lý khoa học - công nghệ nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo trong hoạt động khoa học - công nghệ, thúc đẩy việc áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới tổ chức và quản lý các đơn vị khoa học - công nghệ (công ty, trung tâm nghiên cứu) tự hạch toán theo qui định của Nhà nước:

- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và phục vụ thực tiễn;

- Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

6. Xây dựng cơ chế liên kết đào tạo - nghiên cứu khoa học - sản xuất kinh doanh, kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học giữa các đơn vị đào tạo và trung tâm nghiên cứu với các doanh nghiệp.

III. Hoạt động khoa học - công nghệ thích ứng với cơ chế thị trường

1. Xây dựng cơ chế tổ chức và quản lý các hoạt động khoa học - công nghệ và các đơn vị nghiên cứu khoa học phù hợp với cơ chế thị trường;

2. Hình thành các đơn vị dịch vụ, sản xuất tham gia phát triển thị trường khoa học - công nghệ (tư vấn, dịch vụ chuyển giao khoa học - công nghệ...).

IV. Phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ:

1. Xây dựng qui hoạch, kế hoạch về bồi dưỡng, đào tạo lại và đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ (gồm cả đội ngũ làm khoa học và quản lý khoa học - công nghệ) của Trường; chú trọng đào tạo cán bộ khoa học - công nghệ có trình độ cao, tăng cường gửi cán bộ đi đào tạo ở các nước có trình độ khoa học - công nghệ tiên tiến.

2. Xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu khoa học - công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện và quản lý các hoạt động khoa học - công nghệ.

3. Xây dựng các quy định và chính sách nhằm phát triển hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ; thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ quốc tế cho phát triển khoa học - công nghệ; thu hút Việt kiều tham gia hoạt động khoa học - công nghệ của Trường Đại học Mở-Địa chất.

4. Xây dựng qui chế về đổi mới tổ chức và quản lý trang thiết bị, phòng thí nghiệm nghiên cứu.

5. Thí điểm thành lập Viện nghiên cứu trong trường phục vụ nghiên cứu định hướng ứng dụng.

6. Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh liên ngành giải quyết những nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình trọng điểm Quốc gia.

7. Thành lập Quỹ phát triển Khoa học-Công nghệ của Nhà trường.

V. Tập trung chỉ đạo việc thực hiện các hướng ưu tiên phát triển khoa học - công nghệ của Trường Đại học Mở-Địa chất:

1. Trên cơ sở các hướng ưu tiên của Nhà nước và tiềm năng của đội ngũ cán bộ khoa học mạnh của Trường Đại học Mở - Địa chất, xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có định hướng và chọn lọc trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, định hướng cho hoạt động khoa học - công nghệ của Nhà trường.

2. Nghiên cứu các công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn dựa trên cơ sở các thành tựu của khoa học cơ bản: công nghệ thông tin, công nghệ điện tử - viễn thông, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ xây dựng công trình ngầm, công nghệ mới trong trắc địa-bản đồ, công nghệ thăm dò và khai thác khoáng sản biển, khoáng sản ẩn sâu,...

3. Nghiên cứu cơ bản phục vụ công tác qui hoạch lãnh thổ, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

4. Nghiên cứu những nội dung thuộc khoa học Trái đất và Mỏ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh ứng phó với Biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong dự báo và khai thác khoáng sản ẩn sâu.

5. Nghiên cứu khoa học và công nghệ liên quan đến địa chất- khoáng sản biển, trắc địa biển phục vụ chiến lược khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên địa chất Biển góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ chủ quyền lãnh hải quốc gia.

6. Nghiên cứu phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ đào tạo tiên tiến trong điều kiện thực tiễn của nhà trường.

7. Nghiên cứu triển khai, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ đời sống xã hội, nhất là cho nông thôn, vùng núi và khu vực Tây Nguyên.

8. Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ theo hướng hiện đại hoá cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ, phát triển có qui hoạch nguồn nhân lực khoa học - công nghệ có trình độ cao.

9. Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản thông qua Quỹ phát triển Khoa học - Công nghệ Quốc gia.

C. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2016

Năm 2016, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ vẫn tiếp tục bám sát các định hướng hoạt động KHCN đã được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN của Nhà trường, gồm:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề tài KHCN các cấp đã được phê duyệt.
 - Tập trung xây dựng các chương trình, đề tài KHCN mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất và Mỏ. Tăng cường gắn kết hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH – chuyển giao công nghệ.
 - Tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành; xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng theo quỹ Nafosted.
 - Tăng cường xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về các khoa học Trái đất và Mỏ của các nhà khoa học.
 - Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để cho các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường.
 - Nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, xuất bản 1 số của tạp chí bằng tiếng Anh trong năm 2016.
 - Đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên. Định hướng các hướng nghiên cứu là thế mạnh của trường và nhu cầu cấp bách của xã hội để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như tạo ra thương hiệu của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
 - Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm nghiên cứu, Công ty Codeco;
 - Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, tăng cường hợp tác xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác nghiên cứu song phương về các lĩnh vực thuộc các ngành đang là thế mạnh của nhà trường.
 - Xây dựng các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm.
- Các nhiệm vụ KHCN năm 2016, cụ thể:

1. Các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước

Tiếp tục thực hiện 06 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

- + 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;
- + 03 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;

- + 01 đề tài KHCN thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý;
- + 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học theo nghị định thư Việt – Đức.

** Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài*

Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Nhật Bản, Đức, Ba Lan, Pháp...

2. Các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Tập trung thực hiện 25 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, với tổng kinh phí: 6.562trđ, gồm:

- Tiếp tục triển khai thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ chuyển tiếp từ 2015 và đơn đốc hoàn thành dứt điểm các đề tài hết hạn nghiên cứu;
- Tiếp tục triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ hợp tác NCKH song phương với Nhật Bản và Ba Lan, kết thúc tháng 12/2016;
- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 11 đề tài mới được giao năm 2016;

3. Các nhiệm vụ NCKH – triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:

1. Đề tài “*Sử dụng công nghệ viễn thám radar xác định mức độ sụt lún bề mặt tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”, Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh đặt hàng, PGS.TS Nguyễn Quang Minh làm chủ nhiệm.
2. Đề tài “*Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á*” thuộc dự án PREAS do Liên minh Châu Âu tài trợ, do PGS.TS Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV) làm chủ nhiệm.
3. Đề tài nhánh “*Nghiên cứu đề xuất các mô hình giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khan hiếm nước khu vực Bắc Bộ*” thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước, do Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo đặt hàng PGS.TS. Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV) thực hiện.

4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tổ chức triển khai thực hiện 32 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở;
- Tiếp tục thực hiện 195 đề tài NCKH sinh viên.

5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Tổ chức Hội nghị Quốc tế “*Các khoa học Trái đất và Phát triển bền vững Tài nguyên Địa chất - Earth Sciences and Sustainable Geo-resources Development - ESASGD 2016*” nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường tại 8 phân ban khoa học vào ngày 14/11/2016;
- Tổ chức biên tập, xuất bản 07 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (có 03 số chuyên đề và 01 số tạp chí bằng tiếng Anh). Kiện toàn bộ máy Ban Biên tập và Hội đồng Biên tập Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất; Hoàn thành văn bản hướng dẫn chi tiết viết bài báo theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm website quản lý Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (tiếng Việt và tiếng Anh);
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 29 (5/2016) và biên tập, xuất bản Tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2016;

- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2016 các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Cơ học;
- Tổ chức các hội thảo quốc tế và các hội thảo chuyên đề;
- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Chính sửa, bổ sung Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Mở - Địa chất cho phù hợp với các văn bản pháp quy của nhà nước mới ban hành.
- Xây dựng cơ sở pháp lý và tổ chức bộ máy để quản lý và chuyển giao sản phẩm NCKH.
- Ban hành Quy chế quản lý các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu.
- Tiếp tục thực hiện quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN của Trường theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 5/10/2014 của Chính phủ.

Kết luận

Với những thành tích đã đạt được trong hoạt động KHCN 5 năm (2011-2015), Trường Đại học Mở - Địa chất xứng đáng với vai trò là một cơ quan khoa học đầu ngành trong cả nước về các lĩnh vực Mỏ, Địa chất, Trắc địa, Dầu khí. Hoạt động KHCN đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học, đồng thời góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ khoa học trong Trường. Các kết quả NCKH - chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Mở - Địa chất đã có nhiều đóng góp quan trọng phục vụ cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của trung ương và nhiều địa phương trong cả nước.

Hoạt động KHCN 5 năm qua (2011-2015) của Trường đã giành được những kết quả tốt đẹp, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung của Trường và khẳng định vai trò quan trọng của công tác NCKH và triển khai công nghệ đối với nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Những thành quả hoạt động KHCN của Trường trong thời gian qua khởi nguồn từ sự đoàn kết nhất trí cao của các nhà khoa học, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, viên chức, của các tổ chức nghiên cứu và quản lý Nhà trường dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và Ban Giám hiệu. Bên cạnh đó là sự giúp đỡ nhiệt tình, hiệu quả của các Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương,...), cùng nhiều Ban, Ngành trung ương và các địa phương trong cả nước đã góp phần không nhỏ vào thành công trên.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020 của Nhà trường là rất nặng nề. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học, với mối quan hệ rộng rãi của Trường với các cơ quan và địa phương trong cả nước, tin tưởng rằng Trường Đại học Mở - Địa chất sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ KHCN giai đoạn tới./.

Bảng 1. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp thực hiện năm 2015
(đến tháng 25/3/2016)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
I. Khoa Công nghệ thông tin 06 đề tài (01 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 03 đề tài cấp cơ sở)						
1	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	NCCB-ĐHUĐ.2012-G/01			Đang thực hiện
2	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm		02/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
3	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa		B2015-02-26		Đang thực hiện
4	Lê Hồng Anh	Tin học Mỏ			T15-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
5	Phạm Thị Nguyệt	Tin học Kinh tế			T15-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
6	Lê Thanh Huệ	Tin học Kinh tế			T15-41	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
II. Khoa Cơ điện 02 đề tài (02 đề tài cấp cơ sở)						
7	Khổng Cao Phong	Tự động hóa			T15-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
8	Bùi Đình Thanh	Điện khí hóa			T15-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
III. Khoa Dầu khí 12 đề tài (04 đề tài cấp Nhà nước+07 đề tài cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)						
9	Tổng T. Thanh Hương	Lọc – Hóa dầu	ĐT.04.12/NLSH			Đã có QĐ HD nghiệm thu cấp NN
10	Triệu Hùng Trường	Thiết bị Dầu khí và CT	ĐT.14.13/ĐMCNKK			Đã gửi hồ sơ chờ nghiệm thu cấp NN
11	Nguyễn Anh Dũng	Lọc – Hóa dầu	ĐT.13.12/ĐMCNKK			Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
12			DA.16/08			Đang thực hiện
13				B2015-02-25		Đang thực hiện
14	Lê Khánh Phôn	Địa vật lý		01/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
15	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu		B2010-02-90		Quá hạn 48 tháng
16	Trần Đình Kiên	Khoan – Khai thác		CTB-2012-02		Chuẩn bị Hội nghị tổng kết
17	Phan Thiên Hương	Địa vật lý		B2013-02-12		Đã nghiệm thu cấp cơ sở
18	Lê Hải An	Địa vật lý		B2014-02-19		Đang thực hiện
19	Nguyễn Thế Vinh	Khoan Khai thác		B2014-02-20		Đang thực hiện
20	Nguyễn Thị Linh	Lọc – Hóa dầu			T15-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
IV. Khoa Địa chất 24 đề tài (08 đề tài cấp Nhà nước +13 đề tài cấp Bộ+03 đề tài cấp cơ sở)						
21	Đoàn Văn Cảnh	Địa chất thủy văn	KC.08-06/11-15			Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
22	Trần Thanh Hải	Địa chất	BĐKH.42			Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
23	Ngô Xuân Thành	Địa chất	105.01.2011.14			Đã nộp hồ sơ nghiệm thu
24	Phạm Trung Hiếu	Khoáng thạch	105.03.2011.23			Đã nghiệm thu

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
25	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	105.01.2012.06			Đang tổng kết
26	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	105.01.2011.18			Đang tổng kết
27				B2015-02-24		Đang thực hiện
28	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	105.99.2014.19			Đang thực hiện
29				CTB-2012-02-04		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
30	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản		B2011-02-03		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
31	Nguyễn Bách Thảo	Địa chất thủy văn		B2010-02-84		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
32	Lê Trọng Thắng	Địa chất công trình		B2012-02-07		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
33	Lê Tiến Dũng	Khoáng thạch		CTB-2012-02-01		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
34	Tô Xuân Vu	Địa chất công trình		CTB-2012-02-02		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
35	Nguyễn Văn Phóng	Địa chất công trình		CTB-2012-02-03		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
36	Trần Bình Chư	Khoáng sản		CTB-2012-02-05		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
37	Nguyễn Huy Phương	Địa chất công trình		CTB-2012-02-06		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
38	Đỗ Minh Toàn	Địa chất công trình		CTB-2012-02-07		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
39	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch		B2013-02-13		Đã có HĐ nghiệm thu cấp cơ sở
40	Lê Thị Thu	Khoáng sản		B2013-02-14		Nghiệm thu cấp cơ sở
41	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	105.03.2011.11			Đang tổng kết
42					T15-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
43	Nguyễn Đình Luyện	Khoáng sản			T15-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
44	Nguyễn Hữu Hiệp				T15-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
V. Khoa Đại học đại cương 11 đề tài (02 nhiệm vụ cấp nhà nước +01 đề tài cấp Bộ + 08 đề tài cấp cơ sở)						
45	Bùi Thị Thanh Lan	Vật lý	14/2011/HĐ.NĐT			Nghiệm thu, xếp loại đạt
46	Vũ Kim Thư	Hóa	104.01.2012.24			Đang tổng kết
47	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa		B2014-02-16		Đang thực hiện
48	Lê Đắc Tuyên	Vật lý			T15-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
49	Đình Văn Thiên	Vật lý			T15-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
50	Đào Việt Thắng	Vật lý			T15-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
51	Lê Thị Duyên	Hóa			T15-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
52	Nguyễn Thị Thu Hiền	Hóa			T15-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
53	Công Tiến Dũng	Hóa			T15-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
54	Võ Thị Hạnh	Hóa			T15-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
55	Dương Thủy Hương	Ngoại ngữ			T15-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
VI. Khoa Mô 08 đề tài (01 đề tài Nhà nước + 03 đề tài cấp Bộ + 04 đề tài cấp cơ sở)						
56	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	105.08.2014.10			Đang thực hiện
57				B2014-02-05ATLD		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
58	Bùi Xuân Nam	Khai thác lộ thiên		B2015-02-06ATLD		Đang tổng kết
59	Phạm Văn Luận	Tuyển khoáng		B2014-02-17		Đang thực hiện
60	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng			T15-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
61	Trần Trung Tới	Tuyển khoáng			T15-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
62	Phạm Văn Hòa	Khai thác lộ thiên			T15-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
63	Đỗ Ngọc Hoàn	Khai thác lộ thiên			T15-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
VII. Khoa Môi trường 07 đề tài (01 đề tài HT NĐT + 03 đề tài cấp Bộ + 04 đề tài cấp cơ sở)						
64	Nguyễn Phương	Môi trường cơ sở		B2013-02-15		Nghiệm thu cơ sở
65				B2014-02-01MT		Đã nghiệm thu
66	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở		B2014-02-21		Đang thực hiện
67	Phan Quang Văn	KT môi trường mỏ	NĐT.02.GER/15			Đang thực hiện
68	Vũ Thị Lan Anh	Môi trường cơ sở			T15-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
69	Nguyễn Hoàng Nam	KT môi trường mỏ			T15-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
70	Trần Thị Thanh Thủy	ĐST và CNMT			T15-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
71	Vũ Thị Phương Thảo	ĐST và CNMT			T15-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
VIII. Khoa Trắc địa 12 đề tài (01 đề tài NCCB + 06 đề tài cấp Bộ + 05 đề tài cấp cơ sở)						
72	Trần Khánh	Trắc địa công trình		B2010-02-105TD		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
73	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số	105.99.2014.25	B2012-02-06		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
74						Đang thực hiện
75	Dương Văn Phong	Trắc địa cao cấp		B2012-02-08		Nghiệm thu cấp cơ sở
76	Trần Thùy Dương	Địa chính		B2013-02-11		Nghiệm thu cấp cơ sở
77	Nguyễn Văn Sáng	Trắc địa cao cấp		B2014-02-18		Đang thực hiện
78	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số		B2015-02-22		Đang thực hiện
79	Lưu Anh Tuấn	TĐPT và sai số			T15-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
80	Trần Văn Anh	Đo ảnh và viễn thám			T15-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
81	Nguyễn Quốc Long	Trắc địa mỏ			T15-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
82	Phạm Thanh Thạo	TĐPT và sai số			T15-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
83	Bùi Ngọc Quý	Bản đồ			T15-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
IX. Khoa Xây dựng 02 đề tài (01 đề tài Nhà nước+01 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)						
84	Nguyễn Quang Phích	XDCTN&Mỏ	NCCB-ĐHƯD.2011-G/13			Chờ nghiệm thu cấp NN
85	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng		B2015-02-23		Đang thực hiện
86	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ			T15-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
87	Trần Tuấn Minh	XDCTN và mỏ			T15-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
88	Nguyễn Văn Mạnh	Kỹ thuật xây dựng			T15-36	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
X. Khoa Kinh tế và QTKD 04 đề tài (04 đề tài cấp cơ sở)						
89	Bùi Thị Thu Thủy	K.toán doanh nghiệp			T15-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
90	Nguyễn T. Bích Ngọc	Kinh tế cơ sở			T15-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
91	Vũ Diệp Anh	Kinh tế cơ sở			T15-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
92	Đông Thị Bích	QTDN mỏ			T15-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
XI. Khoa Lý luận chính trị 01 đề tài (01 đề tài cấp cơ sở)						
93	Nguyễn Thị Phương				T15-37	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XII. Các đơn vị khác 05 đề tài (02 nhiệm vụ cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)						
94	Nguyễn Quang Luật	Phòng KHCN		B2015-02-33NV		Đang tổng kết
95	Đình Văn Thắng	Phòng KHCN		B2015-02-34NV		Đang thực hiện
96		Phòng KHCN			T15-40	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
97	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP			T15-38	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
98	Hà Văn Thanh	Khoa GDQP			T15-39	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá

Tổng cộng: 98 đề tài thực hiện trong năm 2015, trong đó:

1. Cấp Nhà nước: 19 (02 đề tài thuộc chương trình; 02 NCCB ĐHƯD; 09 NCCB; 02 NĐT; 04 đề tài thuộc Bộ Công thương quản lý);
2. Cấp Bộ: 38 (01 chương trình, 28 đề tài, nhiệm vụ được cấp kinh phí 2015; 09 đề tài chuyển từ năm trước sang không còn kinh phí 2015);
3. Cấp cơ sở: 41 (39 đề tài và 02 nhiệm vụ. Kết quả nghiệm thu: Tốt: 25; Khá: 14; Đạt 02).

Bảng 2. Tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và quyết toán kinh phí năm 2015
(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước (số lượng/tổng kinh phí (trđ))					Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ (số lượng/tổng kinh phí (trđ))				Đề tài NCKH cấp cơ sở (số lượng/tổng KP (trđ))
		Chương trình KHCN	Bộ Công Thương quản lý	NCCB ĐHƯĐ	NCCB trong KHTN	Nghị định thư	Chương trình KHCN	Đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài HTQT song phương	Dự án Tăng cường NLNC	
1	Khoa KHCB				1/77,7			1/105			8/255
2	Khoa Mô				1/386			2/310			4/115
3	Khoa Địa chất	2/4300			2/550		1/491	10/2950			3/120
4	Khoa Dầu khí		2/1690					4/626	1/380		1/40
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLDD				1/339			3/538			5/150
6	Khoa Cơ – Điện										2/40
7	Khoa Môi trường					1/1880 ^(*)		3/640			4/130
8	Khoa Xây dựng							1/70		1/6000	3/80
9	Khoa KTế-QTKD										4/57
10	Khoa Lý luận chính trị										1/12
11	Khoa CNTT			1/1065				1/60	1/380		3/100
12	Các đơn vị khác							2/500			3/84
Tổng cộng		2/4300	2/1690	2/1065	5/1.352,7	1/1880^(*)	1/491	27/5799	2/760	1/6000	41/1183

Ghi chú: ^(*): đề tài, nhiệm vụ chưa quyết toán kinh phí năm 2015

Bảng 3. Bảng tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và kinh phí quyết toán giai đoạn 2011- 2015
(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước Số lượng các đề tài/Kinh phí thực hiện (trđ)						Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ Số lượng các đề tài/Kinh phí thực hiện (trđ)				Đề tài NCKH cấp cơ sở (số lượng/tổng KP (trđ))
		Chương trình KHCN	Bộ Công Thương quản lý	NCCB ĐHƯĐ	NCCB trong KHTN	Nghị định thư	KHCN tiềm năng	Chương trình KHCN	Đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài HTQT song phương	Dự án Tăng cường NLNC	
1	Khoa Khoa học cơ bản				1/777	1/3.000			1/180			44/882
2	Khoa Mỏ		2/3.850		1/386				5/2.215			18/465
3	Khoa Địa chất	2/11.700			8/5.578			1/850	13/8.990		1/8.000	32/1.120
4	Khoa Dầu khí		5/10.110		1/520		3/2.488		7/3.250	1/1.760		12/475
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLĐĐ				1/339				5/2.165			21/554
6	Khoa Cơ – Điện											15/427
7	Khoa Môi trường					1/1.880			7/1.730			9/285
8	Khoa Xây dựng			1/4.100					1/70		1/7.000	6/153
9	Khoa KTế-QTKD											18/270
10	Khoa Lý luận C.trị											16/176
11	Khoa CNTT			1/2.202					3/930	1/1.760		26/629
12	Các đơn vị khác								2/500			11/192
Tổng cộng		2/11.700	7/13.960	2/6.302	12/7.600	2/4.880	3/2.488	1/850	44/20.030	2/3.520	2/15.000	228/5.628

Ghi chú: số liệu chỉ tính với các đề tài, nhiệm vụ các cấp được cấp kinh phí trong giai đoạn 2011-2015.

Bảng 4. Tình hình thực hiện đề tài KHCN cấp Tỉnh, thành phố và tương đương giai đoạn 2011-2015

TT	Mã số	Đơn vị đặt hàng	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Tổng kinh phí (đ)	Tình hình thực hiện
1	546ĐC/HĐ09	Sở KHCN tỉnh Ninh Bình	Nghiên cứu tổng hợp tài nguyên NĐĐ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình điều tra chi tiết hóa phục vụ cấp nước cho một số khu vực trọng điểm	Lê Tiến Dũng	2009-2011	600 000 000	Đã nghiệm thu
2	549ĐC/HĐ09	Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Điều tra, đánh giá khoáng định vùng cấm, vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác sử dụng nước trên địa bàn TP Hà Nội	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2009-2011	4 538 130 000	Đã nghiệm thu
3	551ĐC/HĐ10	Sở KHCN tỉnh Kon Tum	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng dải khoáng hóa Au-Cu-Mo ở Sa Thầy Đắc Tô để phục vụ cho quy hoạch, đầu tư khai thác khoáng sản	Lê Tiến Dũng	2010-2012	1 199 623 000	Đã nghiệm thu
4	552ĐC/HĐ11	Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2011-2012	3 229 859 000	Đã nghiệm thu
5	555ĐC/HĐ12	Sở KHCN tỉnh Ninh Bình	Điều tra, đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất tự nhiên, môi trường khu vực Cồn Nổi và vùng đất ngập nước ven biển trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng	Lê Tiến Dũng	2012-2013	930 000 000	Đã nghiệm thu
6	556ĐC/HĐ12	Sở KHCN tỉnh Kon Tum	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đá mỹ nghệ tỉnh Kon Tum phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác	Nguyễn Khắc Giảng	2012-2015	1 495 875 000	Đã nghiệm thu giai đoạn 1
7	561ĐC/HĐ13	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện bản đồ địa chất - khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 thành phố Hà Nội phục vụ quy hoạch đô thị và phát triển bền vững	Hoàng Văn Long	2013-2015	2 250 000 000	Đã nghiệm thu
8	562ĐC/HĐ14	Sở Tài nguyên và Môi trường Tuyên Quang	Nghiên cứu đánh giá địa chất và thảm động thực vật núi Khe Pậu, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhằm phục vụ phát triển kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	1/2014-12/2014	419 878 000	Đã nghiệm thu
9	564ĐC/HĐ14	Dự án hợp tác với Viện Khảo sát Địa chất Đan Mạch	Dự án "Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2014-2017	2 107 564 000	Đang thực hiện

10	567ĐC/HĐ15	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Nam	Giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2015-2016	477 000 000	Đang thực hiện ✓
11	569ĐC/HĐ16	Viện Khoa học Thủy Lợi	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khai hiểm nước khu vực Bắc Bộ	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2016-2018	2449 000 000	Đang thực hiện ✓
12	64DK/HĐ11	Sở KHCN tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng và quản lý dữ liệu thông tin - bản đồ địa chất khoáng sản để phục vụ cho việc quản lý, quy hoạch, đầu tư phát triển khai thác khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi	Nguyễn Kim Long	2011-2012	439 200 000	Đã nghiệm thu
13	67DK/HĐ11	Sở KHCN tỉnh Lai Châu	Điều tra khảo sát dịch tễ học dân cư sống trong khu vực mỏ đất hiếm của huyện Phong Thổ, Tam Đường tỉnh Lai Châu	Lê Khánh Phồn	2011-2012	862 790 000	Đã nghiệm thu
14	75DK/HĐ13	Tập đoàn Dầu khí VN	Nghiên cứu đặc điểm trầm tích và đánh giá chất lượng đá chứa cacbonnat tuổi Miocen khu vực Phú Khánh	Lê Hải An	2013-2014	2161 000 000	Đã nghiệm thu
15	76DK/HĐ13	Công ty Điều hành thăm dò khai thác dầu khí nước ngoài	Nghiên cứu địa chấn địa tầng phân tập cho các lô Champasak và Saravan -CHDCND Lào	Nguyễn Thị Minh Hồng	2013-2014	897 750 000	Đã nghiệm thu
16	77DK/HĐ13	Công ty Điều hành thăm dò khai thác dầu khí nước ngoài	Nghiên cứu địa tầng phân tập và môi trường trầm tích cho lô M2 thêm lục địa Myarmar	Nguyễn Thị Minh Hồng	2013-2014	1 894 830 000	Đã nghiệm thu
17	83DK/HĐ15	Cty Lọc hóa dầu Bình Sơn	Nâng cao hiệu quả sử dụng và thu hồi xúc tác trong phân xưởng cracking xúc tác (RFCC) nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Nguyễn Anh Dũng	2015-2016	3 668 000 000	Đang thực hiện ✓
18	93M/HĐ12	Sở KHCN tỉnh Cao Bằng	Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp kỹ thuật công nghệ và quản lý nhằm giảm tổn thất tài nguyên và ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác một số khoáng sản trọng điểm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Nguyễn Phụ Vự	2012-2013	640 000 000	Đã nghiệm thu ✓

19	17CNTT/HĐ122	Sở KHCN tỉnh Gia Lai	Xây dựng và quản lý dữ liệu thông tin địa chất khoáng sản tỉnh Gia Lai	Lê Thanh Huệ	2012-2013	750 000 000	Đã nghiệm thu
20	89TĐ/HĐ09	Sở KHCN tỉnh Gia Lai	Ứng dụng công nghệ tích hợp tư liệu viễn thám và hệ thống thông tin địa lý để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Phạm Vọng Thành	2010-2012	562 360 000	Đã nghiệm thu
21	90TĐ/HĐ15	Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh	Sử dụng công nghệ viễn thám radar xác định mức độ sụt lún bề mặt tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Quang Minh	2014-2015	896 000 000	Đang thực hiện ✓
22	21MT/HĐ12	Trung tâm Năng lượng Hạt nhân (IACA)	Ứng dụng phương pháp đồng vị môi trường đánh giá tính bền vững của trữ lượng tầng qđ vùng Hà Nội	Bùi Học/Đỗ Văn Bình	2013-2015	187 500 000	Đã nghiệm thu
23	23ĐHĐC/HĐ14	Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LiDAR để quan trắc môi trường bụi không khí tỉnh Quảng Ninh	Bùi Thị Thanh Lan	2014-2015	597 851 000	Đang tổng kết ✓

Bảng 5. Hoạt động KHCN của các trung tâm, công ty CODECO năm 2015

(số liệu tính đến ngày 25/3/2016)

(theo số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm 2015	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)				Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	Đã về năm 2015	Đã quyết toán số kinh phí	Số nợ tồn trước 2015	Mức giao nộp 2015 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	62	23 723 540		23 723 540	237 426	355 853	592 850		2 643 850
2	TT NC Địa kỹ thuật ✓	338	58 000 000		58 000 000		870 000	870 000		2 878 400
3	TT NC Môi trường Địa chất ✓	78	37 884 739		37 884 739		568 271	568 271		4 501 246
4	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT ✓	85	23 749 962		23 749 962		356 249	356 249		1 719 758
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường ✓	83	9 367 511		9 367 511		140 513	140 513		729 579
6	TT NC Trắc địa công trình	21	5 667 000		5 667 000	25 260	85 005	85 000	25 260	607 700
7	TT NCUĐ CNM Trắc địa - Bản đồ ✓	26	10 555 000		9 597 828		144 000	144 000		1 000 000
8	TT NC Cơ điện mỏ ✓	17	3 386 638		2 550 314		38 255	38 255		300 000
9	TT TK Công nghệ khoáng chất ✓	25	5 956 035		5 956 035		89 341	89 341		702 427
	Tổng cộng	735	178 290 425		176 496 929	262 686	2 647 487	2 884 479	25 260	15 082 960

* Ghi chú: Mức giao nộp năm 2015 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ).